TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 118/2024/DS-PT Ngày 17-4-2024 V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị M: Luật sư Phạm Thị N - Văn phòng Luật sư Minh Đức thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Đinh Đức C, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/3/2023); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. NLQ2, sinh năm 1979; địa chỉ: 88/21/6A đường B, phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

3. NLQ3, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Thôn 1, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

4. NLQ4, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 2, xã Cư Prao, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Theo các Giấy ủy quyền ngày 15/3/2023 và ngày 16/3/2023); vắng mặt.

5. NLQ5, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ5: Ông Đinh Đức C, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/3/2023); có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. NLC2, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. NLC3, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của gia đình bà M là do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Vinh từ năm 1982; đã được UBND huyện Hải Hậu cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/1998 đối với thửa số 73, tờ bản đồ số 40, diện tích 500m^2 tại xóm Q, xã H, huyện Hải Hậu đứng tên hộ ông Bùi Văn Quỳnh (là chồng bà M). Sau khi ông Quỳnh chết năm 2014 thì bà M quản lý sử dụng đất. Bà M và ông Quỳnh có 04 con chung là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4.

Từ năm 1982 đến nay, gia đình bà M sử dụng ngõ đi riêng ra đường xóm ở phía Đông Nam thửa đất, cạnh Đông giáp đất anh Hoạt và cạnh Tây giáp ao nhà ông T, chiều rộng ngõ là 03m, chiều dài khoảng 10m. Trước đây trên phần đất ngõ phía giáp ao ông T, bà M có xây 01 kho chứa muối của gia đình và trồng 01 cây xanh, 01 cây xoan nhưng đã rỡ kho muối khi ông T lấp ao và bán cây cho ông T, ông T đã chặt phá cây năm 2021 nên đến nay không còn dấu tích. Phần đất ngõ còn lại giáp đất ngõ của anh Hoạt thì đổ bê tông đi chung với anh Hoạt, phần bê tông trên ngõ nhà bà M rộng khoảng 1,5m nhưng đến nay anh Hoạt đã sửa ngõ đổ lại mặt bê tông tách riêng với ngõ của nhà bà M.

Năm 2021, đường xóm phía Nam được mở rộng đổ bê tông. Khi mở đường có vận động các gia đình giáp đường hiến đất nhưng chỉ nói miệng, thống nhất tiêu mốc mép đường bê tông đến đâu thì hiến đất đến đó, gia đình bà M có hiến đất nhưng do không đo đạc nên không biết diện tích cụ thể. Khoảng tháng 06/2021, ông T xây tường rào cột bê tông lưới B40 quây vườn phía trước nhà giáp đường bê tông xóm. Đến tháng 12/2022, khi bà đi vắng trông coi Đầm ngoài đồng thì ông T xây thêm đoạn tường gạch bi thấp, dựng cột bê tông, cột sắt và chăng lưới B40 quây đất vườn phía Đông nhưng đã lấn sang 1/2 chiều rộng ngõ đi của gia đình bà nên ngõ hiện nay chỉ còn rộng khoảng 1,5m. Phần diện tích đất ngõ bị ông T lấn chiếm có chiều dài 10,4m, chiều rộng 1,5m. Bà đã làm đơn yêu cầu UBND xã Hải Lý giải quyết nhưng hòa giải không thành, xã đã yêu cầu gia đình ông T đình chỉ xây dựng nhưng ông T không chịu tháo rỡ.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T, NLQ5 phải tháo rỡ hàng rào xây gạch bi, cột bê tông, cột sắt và lưới B40 để trả lại diện tích đất ngõ của gia đình bà bị lấn chiếm có diện tích theo đo đạc thực tế là 16m^2, bà không đồng ý đền bù giá trị công trình ông T phải tháo rỡ. Phần ranh giới đất còn lại giáp với đất ông T và các hộ liền kề khác là hộ anh Hoạt, hộ anh Thủy thì không có tranh chấp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 đã ủy quyền cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M tham gia tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2023 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, NLQ5 là ông Đinh Đức C thống nhất trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của ông Nguyễn Văn T, NLQ5 là do mua lại của cụ Nguyễn Văn Ruy (tức cụ Rung) từ khoảng năm 1982 và mua sau bà M. Trước đây đất của ông T và bà M cùng chung một thổ của gia đình cụ Ruy. Khi mua có lập giấy viết tay ghi diện tích là 960m^2 nhưng đến nay đã bị mất giấy tờ. Ranh giới đất của ông T và bà M từ khi mua đến nay không phải là đường thẳng, mốc giới ở đoạn giữa hai thửa đất có sân bê tông của hai nhà sát nhau, 02 căn nhà cấp 4 của hai nhà xây cách nhau khoảng 01m, còn lại hầu hết là đất trống.

Khi mới đến ở thì ông T có đi ngõ ở phía Đông Nam trước nhà bà M, giáp bờ ao của ông T và đi chung với gia đình bà M đoạn ngõ giáp đất anh Hoạt. Đoạn ngõ đi chung với bà M chỉ rộng 1,5m đúng bằng mặt bê tông bà M đổ vẫn đang sử dụng, không phải ngõ rộng 03m như bà M khai. Đến khoảng năm 1994-1995, ông T mở ngõ đi riêng ở phía Tây giáp đất ông Thanh nên ngõ đi cũ chỉ còn gia đình bà M sử dụng. Ngày 31/12/1998, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa số 72, tờ bản đồ số 40, diện tích 845m^2 và cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà Miên ngày 19/01/2022.

Năm 2021, xã Hải Chính muốn làm đường bê tông đi qua đường xóm phía Nam nhà ông T, đã vận động các hộ dân trong xóm có đất giáp đường hiến đất để mở rộng mặt đường đổ bê tông, gia đình ông T có tham gia hiến đất nhưng do không đo đạc nên không biết diện tích cụ thể. Khoảng tháng 06/2021, ông T xây tường rào quây vườn phía trước giáp đường xóm. Đến tháng 12/2022, ông T tiếp tục xây đoạn tường rào gạch bi cao 03 hàng, dựng 01 cột sắt, 02 cột bê tông và rào lưới B40 ở đất vườn phía Đông Nam giáp ngõ bà M để giữ đất thì bà M tranh chấp. UBND xã Hải Lý đã hòa giải nhưng không thành.

Đến nay ông T, bà Miên không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà M, đề nghị Tòa án xác định phần diện tích đất bà M đang tranh chấp ở phía Đông Nam nhà ông T theo sơ đồ đo vẽ của Công ty TNHH Ân Khánh là 61m^2 thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông T và xác định phần đất ngõ có chiều rộng 1,5m, chiều dài khoảng 15m do bà M đang quản lý sử dụng là ngõ đi chung của hai gia đình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2023, người làm chứng NLC1 trình bày: Đất của ông ở liền kề phía Tây nhà ông T, ranh giới hai nhà đã xây tường bao ngăn cách, đến nay không có tranh chấp gì. Về nguồn gốc đất của bà M và đất của ông T trước đây là của gia đình cụ Ruy. Bà M và ông T mua đất đến ở nhưng đi hai ngõ riêng có vị trí như hiện nay, chiều rộng ngõ đi của hai gia đình thì ông không biết chính xác, ông có nhớ khi ông Quỳnh chồng bà M còn sống có làm 01 nhà kho chứa muối trên ngõ đi của gia đình giáp bờ ao của ông T. Đất

của ông T trước đây có 01 ao trước nhà nhưng ông T đã lấp ao làm vườn khoảng năm 2015. Phía trước nhà ông và ông T, bà M (tức phía Nam) là đường liên xã. Năm 2021, xã Hải Chính đầu tư làm đường bê tông đi nhờ qua xóm, mở rộng mặt đường khoảng 05m nên có vận động hiến đất vì đường cũ rất hẹp. Các hộ dân trong xóm có đất cạnh đường đều tự nguyện hiến đất nhưng chỉ thống nhất miệng, không đo đạc diện tích cụ thể mà chỉ căn cứ vào tiêu mốc mép đường đổ bê tông để các hộ tự xây tường rào lùi vào. Tại vị trí đường bê tông xóm mở rộng giáp đất của ông, ông T và bà M thì đất hiến tặng của các hộ có chiều sâu lùi vào trong thổ khoảng từ 1,8m đến 02m và kéo dài hết mặt tiền các thửa đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2023, người làm chứng NLC2 trình bày: Đất của gia đình bà liền kề phía Đông đất của bà M và đến nay không có tranh chấp về ranh giới giữa hai nhà. Bà về ở nhà chồng từ năm 2001 nên không biết ngõ đi của gia đình bà M có từ khi nào, kích thước chiều rộng ngõ bao nhiêu. Bà công nhận đường xóm phía trước đất nhà bà và bà M, ông T được xã Hải Chính đầu tư mở rộng, đổ bê tông mặt đường. Khi làm đường có vận động các hộ dân trong xóm giáp đường hiến đất, đổ bê tông đường đến đâu thì các hộ tự xây tường rào lùi vào, việc hiến đất chỉ thống nhất miệng, không đo đạc cụ thể nên bà không biết diện tích đất đã hiến.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2023, người làm chứng NLC3 trình bày: Ông là xóm trưởng xóm Quang Trung từ tháng 10/1999 đến nay. Việc tranh chấp đất giữa bà M và ông T thì ông đều tham gia giải quyết. Con đường bê tông đi qua xóm ở phía trước nhà bà M và ông T là do xã Hải Chính đầu tư đổ bê tông toàn bộ mặt đường vào năm 2021. Khi đổ bê tông đã vận động người dân trong xóm có đất giáp đường hiến đất để mở rộng mặt đường đi lại cho thuận tiện. Mọi người thống nhất hiến đất khi cắm mốc đường để đổ bê tông, không đo đạc cụ thể diện tích hiến tặng của từng hộ bao nhiêu. Về ngõ đi của gia đình bà M và gia đình ông T thì ông biết trước đây hai nhà có đi chung ngõ ở phía Đông tại vị trí ngõ bà M đang sử dụng hiện nay để ra đường xóm. Sau khi ông T lấp ao trước nhà đã mở ngõ đi riêng ở phía Tây giáp đất ông Thanh. Việc tranh chấp đất giáp ranh giữa hai gia đình, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ các Điều 175, 176, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 95, 166, 170 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 157, 165, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn T.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 73, tờ bản đồ số 40 của bà Nguyễn Thị M và thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40 của ông Nguyễn Văn T, NLQ5 có địa chỉ tại Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định là các đoạn gấp khúc được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 7, B, A) trên sơ đồ kèm theo bản án. Cụ thể, đoạn 2-3 dài 17,1m; đoạn 3-4 dài 12,8m; đoạn 4-5 dài 4,6m; đoạn 5-6 dài 3,5m; đoạn 6-7 dài 9,6m; đoạn 7-B dài 0,92m; đoạn B-A dài 10,3m. (*Có sơ đồ quyền sử dụng đất kèm theo bản án*).

3. Công nhận bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng 07m^2 đất giáp ranh đã được xác định theo ranh giới và được giới hạn bởi các điểm (11, 7', B, A, 11) (*Có sơ đồ quyền sử dụng đất kèm theo bản án*).

4. Buộc ông Nguyễn Văn T và NLQ5 tháo rỡ đoạn tường rào xây gạch bi, cột sắt, cột bê tông và lưới B40 trên phần đất không thuộc quyền sử dụng của mình để trả 07m^2 đất cho bà Nguyễn Thị M.

5. Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về quyền sử dụng đất theo ranh giới được xác định tại bản án theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo, có nội dung không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà và xác định ngõ đi của gia đình nhà bà chỉ có kích thước chiều rộng là 2,2m. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và xác định ngõ đi của gia đình bà có kích thước chiều rộng là 3m tính từ giáp đất nhà anh Hoạt đến giáp đất nhà ông T.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, ông Nguyễn Văn T làm đơn kháng cáo không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu; bởi vì tất cả hồ sơ địa chính, bản đồ, sổ mục kê không có tài liệu nào thể hiện phần đất ngõ đi của gia đình bà M rộng 3m; vậy tại sao cấp sơ thẩm lại cắt 0,7m đất của gia đình ông vào đất ngõ đi của gia đình bà M. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án cho công bằng, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, sửa bản án sơ thẩm xác định ngõ đi của gia đình bà có kích thước chiều rộng là 3m tính từ giáp đất nhà anh Hoạt đến giáp đất nhà ông T.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn T được làm trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn T HĐXX xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu tranh chấp ranh giới đất của các đương sự: Căn cứ hồ sơ địa chính, kết quả đo đạc thực địa hiện trạng sử dụng, lời trình bày của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định phần đất tranh chấp có diện tích 45m^2 trên sơ đồ hiện trạng do Công ty TNHH Ân Khánh đo vẽ ngày 08/3/2023, có vị trí phía trước sân nhà bà M và giáp vườn nhà ông T là thuộc quyền sử dụng của gia đình bà M, việc ông T cho rằng đây là ngõ đi cũ của nhà ông nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, thực tế gia đình bà M sử dụng phần đất này làm vườn trồng cây từ trước đến nay, nếu thửa đất ông T đang sử dụng cộng thêm 45m^2 đất (chưa tính 16m^2 đất đang tranh chấp) thì diện tích cũng tăng so với giấy chứng nhận 13m^2, trong khi thửa đất của bà M nếu cộng toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp thì vẫn thiếu 15m^2 so với giấy chứng nhận đã cấp. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T xác định phần diện tích 45m^2 tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình ông là có căn cứ.

[2.2] Đối với phần đất tranh chấp là 16m^2 (chiều rộng phía ngoài giáp đường xóm là 1,5m và phía trong là 1,6m; chiều dài phía giáp đất ông T là 10,4m và giáp đất ngõ bà M sử dụng là 10,2m) trên sơ đồ hiện trạng do Công ty TNHH Ân Khánh đo vẽ ngày 08/3/2023 hiện gia đình ông T đang sử dụng có vị trí giáp ngõ đi của gia đình bà M hiện nay. Bà M cho rằng 16m^2 đất trên thuộc đất ngõ của gia đình bà có kích thước rộng 03m, trước đây gia đình bà có xây 01 kho chứa muối của gia đình và trồng cây xanh, cây xoan nhưng đến nay không còn dấu tích các tài sản trên. Còn ông T cho rằng ngõ bà M đang sử dụng là ngõ đi chung chỉ có kích thước chiều rộng là 1,5m và bà M đã đổ bê tông rộng 1,5m trên nền ngõ này nên phần đất 16m^2 là thuộc đất của nhà ông. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có lời khai cho biết, khi gia đình ông mới đến ở thửa đất hiện nay thì ông T có đi ngõ ở phía Đông Nam trước nhà bà M, giáp bờ ao của ông T và đi chung với gia đình bà M đoạn ngõ giáp đất anh Hoạt; đến khoảng năm 1994 - 1995, ông T mở ngõ đi riêng về phía Tây giáp đất ông Thanh nên ngõ đi cũ chỉ còn gia đình bà M sử dụng. Theo bản đồ địa chính xã Hải Lý lập năm 1998 thì thửa đất số 73 của hộ bà M có lối đi riêng ra đường xóm phía Nam giáp đất anh Hoạt, ngoài ra không có lối đi nào khác do đó yêu cầu của ông T xác định là ngõ đi chung của hai gia đình là không có cơ sở chấp nhận. Về chiều rộng của ngõ đi tranh chấp thì các bên còn có lời khai mâu thuẫn nhau, các tài liệu địa chính không thể hiện kích thước cụ thể, tuy nhiên căn cứ vào tỷ lệ 1/1000 của Bản đồ địa chính xã Hải Lý lập năm 1998 thì thửa đất số 73 của hộ bà M có ngõ đi ra đường trục của thôn ở phía Nam, chiều rộng của ngõ được kiểm tra bằng thước ly là 03mm tương ứng tỷ lệ trên thực tế là 03m. Hội đồng xét xử căn cứ hồ sơ địa chính và hiện trạng sử dụng đất của các hộ xác định phần diện tích đất tranh chấp là 16m^2 có chiều rộng 1,5m ở phía Nam giáp đường xóm thuộc quyền sử dụng của nhà bà M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 175, Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, buộc ông Nguyễn Văn T, NLQ5 phải tháo rỡ đoạn tường rào xây gạch bi, cột bê tông, cột sắt và lưới B40 để trả diện tích đất ngõ trên cho bà M; bà M không phải thanh toán giá trị tài sản phải tháo rỡ cho ông Nguyễn Văn T.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, cần sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T theo đơn xin miễn, giảm tiền án phí của đương sự.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, cho nên bà Nguyễn Thị M không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần bản án sơ thẩm

Căn cứ các Điều 175, 176, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 95, 166, 170 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 157, 165, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn T.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 73, tờ bản đồ số 40 của bà Nguyễn Thị M và thửa đất số 72, tờ bản đồ số 40 của ông Nguyễn Văn T, NLQ5 có địa chỉ tại Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định là các đoạn gấp khúc được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8) trên sơ đồ kèm theo bản án; cụ thể: đoạn 2-3 dài 17,1m; đoạn 3-4 dài 12,8m; đoạn 4-5 dài 4,6m; đoạn 5-6 dài 3,5m; đoạn 6-7 dài 9,6m; đoạn 7-8 dài 10,4m. (*Có sơ đồ quyền sử dụng đất kèm theo bản án*).

3. Công nhận bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng 16m^2 đất giáp ranh đã được xác định theo ranh giới và được giới hạn bởi các điểm (11, 7', 7, 8, 11) trên sơ đồ kèm theo bản án. (*Có sơ đồ quyền sử dụng đất kèm theo bản án*).

4. Buộc ông Nguyễn Văn T và NLQ5 tháo rỡ đoạn tường rào xây gạch bi, cột sắt, cột bê tông và lưới B40 trên phần đất không thuộc quyền sử dụng của mình để trả 16m^2 đất cho bà Nguyễn Thị M.

5. Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về quyền sử dụng đất theo ranh giới được xác định tại bản án theo quy định của pháp luật đất đai.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Miễn án phí phúc

thẩm cho ông Nguyễn Văn T theo đơn xin miễn, giảm tiền án phí của đương sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hà Nam